

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Ma Ngọc Tiến	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Ông Tô Huy Vũ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011)

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Giám đốc
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

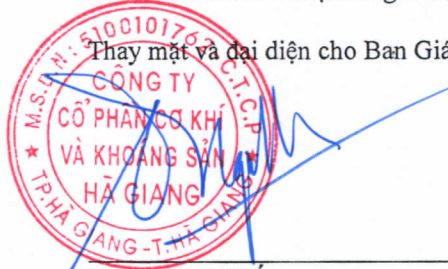
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 08 tháng 02 năm 2012

Số: 917 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 22. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 02 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		222.450.297.275	132.779.527.477
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	175.868.218.273	59.883.384.366
1. Tiền	111		3.387.664.493	3.307.813.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		172.480.553.780	56.575.571.334
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	44.400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	20.000.000.000	44.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.060.403.063	22.266.509.824
1. Phải thu khách hàng	131		11.276.600.172	11.653.213.786
2. Trả trước cho người bán	132		984.887.514	2.523.827.462
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.147.901.510	8.488.454.709
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(348.986.133)	(398.986.133)
IV. Hàng tồn kho	140	8	12.215.163.510	6.003.557.494
1. Hàng tồn kho	141		12.215.163.510	6.003.557.494
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		306.512.429	226.075.793
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	416.383
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		306.512.429	225.659.410
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		31.906.147.490	11.462.442.161
I. Tài sản cố định	220		25.670.836.326	9.107.149.604
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	19.145.024.431	6.891.521.318
- Nguyên giá	222		33.887.801.430	20.024.927.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.742.776.999)	(13.133.406.130)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.387.321.926	1.848.578.321
- Nguyên giá	228		5.130.031.356	4.555.031.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.742.709.430)	(2.706.453.035)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.138.489.969	367.049.965
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.100.000.000	532.823.200
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	5.100.000.000	532.823.200
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.135.311.164	1.822.469.357
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		362.439.797	303.738.131
2. Tài sản dài hạn khác	268		772.871.367	1.518.731.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		254.356.444.765	144.241.969.638

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		58.727.811.938	30.936.984.840
I. Nợ ngắn hạn	310		58.387.231.816	30.658.228.344
1. Phải trả người bán	312		5.286.608.748	5.757.527.460
2. Người mua trả tiền trước	313		3.963.200.000	23.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	14.931.837.281	5.219.625.172
4. Phải trả người lao động	315		2.312.935.500	1.112.922.200
5. Chi phí phải trả	316		1.808.934.310	197.871.500
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	19.114.330.728	12.168.846.256
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10.969.385.249	6.178.235.756
II. Nợ dài hạn	330		340.580.122	278.756.496
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.000.000	9.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		331.580.122	269.756.496
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		195.628.632.827	113.304.984.798
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	195.628.632.827	113.304.984.798
1. Vốn điều lệ	411		63.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		56.153.219.237	18.785.886.283
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.706.929.283	4.706.929.283
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.103.464.642	3.981.420.238
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.165.019.665	25.830.748.994
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		254.356.444.765	144.241.969.638

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ (USD)		1.178.220,69	1.165.213,94
Nhân dân tệ (CNY)		22.439,66	298,66



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 08 tháng 02 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng	01	15	195.310.526.560	95.097.965.580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02)	10		195.310.526.560	95.097.965.580
4. Giá vốn hàng bán	11	16	45.876.491.778	35.520.706.931
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11)	20		149.434.034.782	59.577.258.649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	20.162.952.686	7.403.336.997
7. Chi phí tài chính	22		23.806.097	11.052.425
8. Chi phí bán hàng	24		772.591.191	501.597.387
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.971.466.866	4.880.129.923
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		161.829.123.314	61.587.815.911
11. Thu nhập khác	31		1.610.381.872	1.699.051.169
12. Chi phí khác	32		2.719.313.978	1.156.650.097
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.108.932.106)	542.401.072
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		160.720.191.208	62.130.216.983
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	11.270.343.179	4.571.105.061
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		149.449.848.029	57.559.111.922
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	24.608	9.593



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 08 tháng 02 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

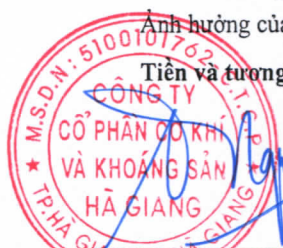
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	160.720.191.208	62.130.216.983
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.210.667.847	1.682.616.077
- Các khoản dự phòng	03	(50.000.000)	32.517.300
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.332.302.655)	(489.371.666)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(14.083.335.424)	(5.224.352.874)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	146.465.220.976	58.131.625.820
- Giảm các khoản phải thu	09	6.064.019.685	11.544.937.696
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.211.606.016)	3.348.844.805
- (Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.605.806.423)	(5.782.565.544)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(58.701.666)	81.812.646
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(842.064.102)	(2.642.562.948)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.224.768.979	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.053.406.501)	(4.693.877.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	128.982.424.932	59.988.215.018
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.029.101.086)	(3.550.546.789)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	81.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(32.000.000.000)	(113.150.413.119)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	56.410.000.000	73.750.413.119
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.600.000.000)	-
6. Thu lãi từ tiền gửi và cho vay	27	12.307.389.224	4.013.248.951
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.170.106.320	(38.937.297.838)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	7.500.000.000	-
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(42.000.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.500.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	113.652.531.252	9.050.917.180
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	59.883.384.366	50.343.095.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.332.302.655	489.371.666
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	175.868.218.273	59.883.384.366



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 08 tháng 02 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 số 5100101762 ngày 20 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 63.000.000.000 đồng. Trong đó Nhà nước góp là 29.381.400.000 đồng, chiếm 46,637% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 191 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 193).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tổ chức thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản;
- Sản xuất gia công các mặt hàng cơ khí và xây lắp các công trình điện vừa và nhỏ đến 35kv;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 21.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân)**

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động của liên doanh được thực hiện bằng cách sử dụng tài sản và nguồn lực khác của các bên góp vốn liên doanh mà không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Mỗi bên góp vốn liên doanh tự quản lý và sử dụng tài sản của mình và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính và các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động. Hợp đồng hợp tác kinh doanh thường quy định căn cứ phân chia doanh thu và khoản chi phí chung phát sinh từ hoạt động liên doanh cho các bên góp vốn liên doanh.

Mỗi bên góp vốn liên doanh phải phản ánh các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát trong báo cáo tài chính của mình, gồm:

- (a) Tài sản do bên góp vốn liên doanh kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà họ phải gánh chịu;
- (b) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Ngày 20 tháng 10 năm 2003, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Vân Nam - Trung Quốc) về việc hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng khai thác, tuyển luyện Chì - Kẽm tại mỏ Ta Pan Minh Sơn thuộc huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

Theo Giấy phép đầu tư số 01/GP-HG ngày 03 tháng 11 năm 2003, thời gian thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 5 năm (không kể 6 tháng làm đường và kéo điện vào khu vực mỏ), hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã kết thúc vào ngày 03 tháng 5 năm 2009. Phía Việt Nam đã góp 324.900 USD, tương đương 5.048.224.341 đồng và chiếm 30% vốn liên doanh; phía Trung Quốc đã góp 758.100 USD, tương đương 11.775.708.336 đồng và chiếm 70% vốn liên doanh. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước Việt Nam, lợi nhuận sẽ được trích Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ sẽ được chia theo tỷ lệ vốn góp; theo đó, phía Việt Nam sẽ được hưởng 30% và phía Trung Quốc sẽ được hưởng 70%.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc) đã hết thời hạn và hai bên đã quyết định chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân theo Biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2009. Theo biên bản làm việc ngày 02 tháng 03 năm 2010 về việc "thanh lý toàn bộ tài sản Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân", hai bên nhất trí Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao bán lại cho Công ty quyền lợi về tài sản của công ty này tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân gồm:

- Phần lợi ích của bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao:
 - + Giá trị thanh lý các loại tài sản được chia: Nhà xưởng, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư, hàng hóa, sản phẩm;
 - + Phần chi phí mà bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao ứng trước cho sản xuất tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân;
 - + Phần các quỹ được chia: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Phần nghĩa vụ của bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao:
 - + Các khoản chi phí phải trả được chia: phần lỗ lũy kế tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân mà Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao phải gánh chịu;
 - + Nợ tiền hàng của Xí nghiệp.

Theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao, hai bên nhất trí bù trừ công nợ phải thu, phải trả và phân chia các quỹ. Theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang còn phải thu của Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao với số tiền là 2.493.754.252 đồng (theo đối ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân)

Theo biên bản hợp thanh lý tài sản, vật tư, hàng hóa của Xí Nghiệp Hợp doanh Hà Vân ngày 08 tháng 8 năm 2011, hai bên thống nhất:

- Xác định giá thanh lý của tài sản máy móc thiết bị đã đầu tư tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân theo hình thức hai bên tự định giá;
- Thanh lý toàn bộ các loại vật tư, hàng hóa tồn kho của Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân theo số liệu kiểm kê tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với tổng giá trị thanh lý là 3.136.704.165 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Nguyên giá của các loại vật tư, hàng hóa trên là 4.295.313.273 đồng (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán);
- Thanh lý tài sản của Xí nghiệp là xe ô tô Ford Everest biển kiểm soát 23T-1704 với giá trị thanh lý là 354.545.455 đồng. Nguyên giá của tài sản này là 637.513.027 đồng, khấu hao lũy kế là 637.513.027 đồng (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán);
- Giao cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được toàn quyền sử dụng khoản tiền ký quỹ môi trường của Mô Chi kẽm để phục vụ hoàn nguyên môi trường sau khi kết thúc khai thác mỏ theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Khoản ký quỹ này có số tiền là 360.553.126 đồng (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán);
- Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao cam kết bán lại toàn bộ tài sản máy móc thiết bị nhà xưởng đã đầu tư góp vốn vào Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang theo giá trị hai bên tự định giá là 5.450.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản này đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang theo biên bản bàn giao tài sản thanh lý tại ngày 10 tháng 10 năm 2011.

Theo biên bản đối chiếu và bù trừ công nợ tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, sau khi bù trừ công nợ giữa các nghiệp vụ thanh lý tài sản, vật tư hàng hóa trên với lỗ của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân phải thu bên Trung Quốc (theo dõi ở khoản mục phải thu khác - mã số 135 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán với số tiền là 2.493.754.252 đồng), xác định số tiền Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang phải trả cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao là 2.003.401.191 đồng. Số tiền trên đã được Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang thanh toán cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao trong năm 2011.

Ngày 02 tháng 10 năm 2011, Công ty và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao đã ký thanh lý toàn bộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác và tuyển quặng Chì - Kẽm tại Mô Chi - Kẽm Tà Pan - Minh Sơn - Bắc Mê - Hà Giang.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú và đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, chi phí đầu tư nghiên cứu thăm dò điểm quặng antimon (bản quyền khai thác mỏ antimon), bản quyền bằng sáng chế - đề tài Chì-Kẽm.

Công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với các tài sản cố định vô hình, thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này là 05 năm. Riêng tài sản cố định là quyền sử dụng đất sẽ được khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không thời hạn sẽ không được khấu hao.

Theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Giang, Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m² đất tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh để khai thác quặng antimon với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Giá trị để có quyền sử dụng đất được đánh giá là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Vốn quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư công ty hoạt động liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 trở đi Công ty sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Do chưa có sự thống nhất về ưu đãi thuế nêu trên nên Công ty đã tính và kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 theo quy định của Công văn số 555/CT-KTT.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon cho 6 tháng đầu năm 2010 là 7%. Theo Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 là 10%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	879.519.076	601.964.628
Tiền gửi ngân hàng	2.508.145.417	2.705.848.404
Các khoản tương đương tiền	172.480.553.780	56.575.571.334
	175.868.218.273	59.883.384.366

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	-	35.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	-	9.400.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	20.000.000.000	-
	20.000.000.000	44.400.000.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lỗ của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân phải thu bên Trung Quốc (i)	-	2.493.754.252
Tiền đã chi hộ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân (i)	-	4.655.866.399
Các khoản phải thu khác	2.147.901.510	1.338.834.058
	2.147.901.510	8.488.454.709

(i) Theo biên bản đối chiếu và bù trừ công nợ ngày 30 tháng 9 năm 2011, sau khi bù trừ công nợ giữa các nghiệp vụ thanh lý tài sản, vật tư hàng hóa trên với lỗ của Xí Nghiệp Hà Vân phải thu bên Trung Quốc, xác định số tiền Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang phải trả cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao là 2.003.401.191 đồng. Số tiền trên đã được Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang thanh toán cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao trong năm 2011.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.703.800.901	1.832.288.629
Công cụ, dụng cụ	786.361.792	424.609.743
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	565.140.592
Thành phẩm	8.725.000.817	3.181.518.530
Cộng	12.215.163.510	6.003.557.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	12.215.163.510	6.003.557.494

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2011	8.036.207.588	9.145.478.480	2.592.993.681	250.247.699	20.024.927.448
Tăng trong năm	8.166.442.724	2.999.895.455	2.735.865.000	527.084.863	14.429.288.042
Mua trong năm	3.003.173.042	2.999.895.455	2.735.865.000	527.084.863	9.266.018.360
XDCB hoàn thành	5.163.269.682	-	-	-	5.163.269.682
Giảm trong năm	44.100.000	522.314.060	-	-	566.414.060
Thanh lý, nhượng bán	44.100.000	522.314.060	-	-	566.414.060
Số dư tại ngày 31/12/2011	16.158.550.312	11.623.059.875	5.328.858.681	777.332.562	33.887.801.430
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2011	5.863.082.919	5.750.349.640	1.290.170.871	229.802.700	13.133.406.130
Tăng trong năm	774.066.421	927.508.293	398.899.379	73.937.359	2.174.411.452
Khấu hao trong năm	774.066.421	927.508.293	398.899.379	73.937.359	2.174.411.452
Giảm trong năm	44.100.000	520.940.583	-	-	565.040.583
Thanh lý, nhượng bán	44.100.000	520.940.583	-	-	565.040.583
Số dư tại ngày 31/12/2011	6.593.049.340	6.156.917.350	1.689.070.250	303.740.059	14.742.776.999
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	9.565.500.972	5.466.142.525	3.639.788.431	473.592.503	19.145.024.431
Tại ngày 31/12/2010	2.173.124.669	3.395.128.840	1.302.822.810	20.444.999	6.891.521.318

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 8.337.631.874 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 8.522.871.259 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.857.595.455	380.554.359	2.316.881.542	4.555.031.356
Tăng trong năm	575.000.000	-	-	575.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2011	2.432.595.455	380.554.359	2.316.881.542	5.130.031.356
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2011	9.017.134	380.554.359	2.316.881.542	2.706.453.035
Khấu hao trong năm	36.256.395	-	-	36.256.395
Số dư tại ngày 31/12/2011	45.273.529	380.554.359	2.316.881.542	2.742.709.430
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	2.387.321.926	-	-	2.387.321.926
Tại ngày 31/12/2010	1.848.578.321	-	-	1.848.578.321

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Góp vốn vào quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (i)	4.600.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	32.823.200
	5.100.000.000	532.823.200

- (i) Trong năm 2011, Công ty đầu tư mua 230.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 4.600.000.000 đồng (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần). Công ty chưa được cung cấp số liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 để làm cơ sở xác định khoản đầu tư này có bị suy giảm giá trị và Công ty có phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư hay không. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ (nếu có) Công ty phải gánh chịu của khoản đầu tư trên là không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.210.464.902	1.652.917.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.270.343.179	3.335.536.920
Thuế thu nhập cá nhân	50.723.100	15.345.600
Thuế tài nguyên	2.376.048.000	210.575.300
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	353.000	353.000
Các loại thuế khác	23.905.100	4.897.100
	14.931.837.281	5.219.625.172

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	64.184.979	37.838.672
Cổ tức năm 2010 chưa trả	-	12.000.000.000
Cổ tức năm 2011 chưa trả	18.900.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	150.145.749	131.007.584
	19.114.330.728	12.168.846.256

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)
Số dư tại ngày 01/01/2010	60.000.000.000	-	7.274.063.899	4.706.929.283	1.103.464.642	13.532.294.161
Tăng trong năm	-	-	11.511.822.384	-	2.877.955.596	57.559.111.922
Tăng trong năm	-	-	11.511.822.384	-	2.877.955.596	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	57.559.111.922
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	45.260.657.089
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	21.037.689.173
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	24.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	222.967.916
Số dư tại ngày 01/01/2011	60.000.000.000	-	18.785.886.283	4.706.929.283	3.981.420.238	25.830.748.994
Tăng trong năm	3.000.000.000	4.500.000.000	37.367.332.954	-	(2.877.955.596)	149.449.848.029
Tăng trong năm (ii)	3.000.000.000	4.500.000.000	37.367.332.954	-	(2.877.955.596)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	149.449.848.029
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	109.115.577.358
Trích các quỹ (iii)	-	-	-	-	-	48.189.377.358
Chia cổ tức năm 2010 (iv)	-	-	-	-	-	12.000.000.000
Chia cổ tức đợt I năm 2011 (v)	-	-	-	-	-	48.900.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	26.200.000
Số dư tại ngày 31/12/2011	63.000.000.000	4.500.000.000	56.153.219.237	4.706.929.283	1.103.464.642	66.165.019.665

(i) Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 66.165.019.665 đồng bao gồm cả lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là 2.332.302.655 đồng không được dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 9 năm 2011, Công ty sẽ phát hành thêm 300.000 cổ phần với giá chào bán 25.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Công ty đã nhận được Công văn số 4338/UBCK NN ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả đã nhận được đầy đủ tài liệu phát hành thêm cổ phiếu của Công ty.

(iii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 01 năm 2012, Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2011 cho các quỹ đầu tư phát triển là 25% lợi nhuận sau thuế, quỹ khen thưởng phúc lợi là 8.000.000.000 đồng, trích quỹ làm công tác phúc lợi xã hội là 1.100.000.000 đồng, chi thưởng cho Hội đồng Quản trị là 4.000.000.000 đồng. Công ty đã hạch toán trích các quỹ trong năm 2011. Đồng thời, số trích các quỹ chính thức sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê chuẩn trong năm 2012.

(iv) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 số 03/NQ-ĐHCĐTN ngày 31 tháng 3 năm 2011, quyết định cổ tức năm 2010 là 40% vốn điều lệ, tương đương 24.000.000.000 đồng. Công ty đã hạch toán tỷ lệ chia cổ tức trong năm 2010 là 20% vốn điều lệ, tương đương 12.000.000.000 đồng. Số cổ tức còn lại của năm 2010 đã được Công ty thanh toán vào năm 2011.

(v) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 01 năm 2012, Công ty tạm thời xác định tỷ lệ chia cổ tức trong năm 2011 là 80% vốn điều lệ, tương đương 48.900.000.000 đồng. Trong đó, đã tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2011 là 30.000.000.000 đồng theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2011/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 7 năm 2011. Cổ tức năm 2011 sẽ được Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 phê chuẩn chính thức. Công ty đang theo dõi khoản cổ tức 2011 còn lại chưa trả trên tài khoản 338 - "Phải trả, phải nộp khác".



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 63 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2011		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	2.938.140	47	29.381.400.000
Cổ đông đặc biệt (HQDT, BKS, BGĐ, KTT)	515.800	8	5.158.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương	200.000	3	2.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	473.100	8	4.731.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	79.300	1	793.000.000
Các cổ đông khác	2.093.660	33	20.936.600.000
	6.300.000	100	63.000.000.000

15. DOANH THU

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán hàng	195.310.526.560	95.097.965.580
<i>Doanh thu kim loại antimon</i>	<i>195.310.526.560</i>	<i>95.097.965.580</i>
	195.310.526.560	95.097.965.580

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn hàng bán	45.876.491.778	35.520.706.931
<i>Giá vốn kim loại antimon</i>	<i>45.876.491.778</i>	<i>35.520.706.931</i>
	45.876.491.778	35.520.706.931

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.084.708.902	4.209.038.626
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	13.940.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	668.910.366
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.332.302.655	489.371.666
Lãi bán hàng trả chậm	1.789.161.999	993.375.821
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.956.779.130	1.028.700.518
	20.162.952.686	7.403.336.997

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	160.720.191.208	62.130.216.983
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.332.302.655)	(489.371.666)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	227.327.708	-
Thu nhập chịu thuế	158.615.216.261	61.640.845.317
Trong đó:		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	141.917.304.433	54.195.531.339
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác	16.697.911.828	7.445.313.978
Thuế suất (i)	10% và 25%	10% và 25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.366.208.400	7.280.881.628
Ưu đãi giảm thuế:		
Ưu đãi giảm 50% thuế	7.095.865.221	2.709.776.567
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.270.343.179	4.571.105.061

(i) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	149.449.848.029	57.559.111.922
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.073.151	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.608	9.593

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.187.818.540	7.417.304.679
Chi phí nhân công	10.871.499.957	8.388.656.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.891.761.814	1.880.270.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.675.677.745	18.233.213.133
Chi phí khác bằng tiền	8.340.510.144	3.716.289.517
	55.967.268.200	39.635.734.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	175.868.218.273	59.883.384.366
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.075.515.549	13.402.129.163
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	44.400.000.000
Đầu tư dài hạn	5.100.000.000	532.823.200
Tổng cộng	214.043.733.822	118.218.336.729
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	24.409.939.476	17.935.373.716
Chi phí phải trả	1.808.934.310	197.871.500
Tổng cộng	26.218.873.786	18.133.245.216

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	1.178.220,69	24.539.980.531	1.165.213,94	22.059.830.312

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn, trong năm 2011, Công ty đầu tư mua 230.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 4.600.000.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu của một khách hàng mà từ trước đến nay chưa phải trích lập dự phòng phải thu cho khách hàng này. Thêm vào đó, số dư tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 so với cùng thời điểm năm 2010 không có nhiều thay đổi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	24.409.939.476	-	24.409.939.476
Chi phí phải trả	1.808.934.310	-	1.808.934.310
31/12/2010			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.935.373.716	-	17.935.373.716
Chi phí phải trả	197.871.500	-	197.871.500

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2011			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.075.515.549	-	13.075.515.549
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	5.100.000.000	5.100.000.000
31/12/2010			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.402.129.163	-	13.402.129.163
Đầu tư ngắn hạn	44.400.000.000	-	44.400.000.000
Đầu tư dài hạn	-	532.823.200	532.823.200

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2011 VND	2010 VND
Mua tài sản cố định từ Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao	5.450.000.000	-
Thanh toán công nợ cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao	2.003.401.191	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải thu		
Lỗ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân phải thu Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao	-	2.493.754.252

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Lương	836.187.800	662.836.600
Tiền thưởng	768.550.800	302.778.050
Các khoản phúc lợi khác	92.000.000	72.000.000
	1.696.738.600	1.037.614.650

23. CAM KẾT

Công ty đã ký Hợp đồng số 61/2011/HĐMB ngày 08 tháng 10 năm 2011 với Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Sơn chuyển nhượng quyền khai thác, chế biến khoáng sản và tài sản tại mỏ Chì - Kẽm Tà Pan (trước đây là thuộc quyền quản lý và khai thác của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân) với giá trị chuyển nhượng là 19.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Sơn đã thanh toán cho Công ty 20% giá trị hợp đồng tương đương 3.960.000.000 đồng. Hiện tại, Công ty đang trình các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Hà Giang xem xét và cho ý kiến đối với Hợp đồng này. Ngay khi được phê duyệt, Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ quyền khai thác, chế biến khoáng sản và tài sản tại mỏ Chì - Kẽm Tà Pan cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Sơn. Dự kiến việc chuyển nhượng sẽ hoàn thành trong năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 08 tháng 02 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng